

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 8 – 2025

V/v Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hoàng Dân;
Bà Huỳnh Khiết Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út-Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10-Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10-Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025, về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị T, sinh ngày 09/10/1996, CCCD: 094196003351

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 01/01/1991, CCCD: 094091014828

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã A, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 13/01/2025 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:*

Năm 2012, bà và ông Nguyễn Hoàng K có tổ chức đám cưới, đến ngày 27/10/2014, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, nay là xã A, thành phố Cần Thơ, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/02/2013, đang sống với bà.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2024 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, nên đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K.
- Về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/02/2013, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Hoàng K không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10-Cần Thơ cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoàng K, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do; Nguyên đơn bà Đinh Thị T vắng mặt, nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Hoàng K tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 27/10/2014, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà T, ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên đã sống ly thân từ cuối năm 2024. Đến thời điểm này, cả bà T và ông K cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông K.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông K có 01 người con chung tên là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/02/2013, hiện nay đang sống chung với bà T.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu Q có nguyện vọng sống chung với mẹ, từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho ông K, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/02/2013, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 25/8/2025, cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; buộc ông K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238,

Điều 271, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K.

2) Về con chung: Giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/02/2013, đến đủ 18 tuổi; ông K được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/02/2013, theo định kỳ hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (25/8/2025), cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001304, ngày 26/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10-Cần Thơ. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm. Buộc ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 10-Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10-Cần Thơ (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã An Lạc Thôn, thành phố Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HSVA.

Trần Vinh Thắng